

Số: /BC-SNgV

Lạng Sơn, ngày tháng năm 2020

BÁO CÁO
Việc triển khai quy hoạch phát triển nhân lực
ngành Nội vụ giai đoạn 2011-2020

Thực hiện Văn bản số 1240/SNV-VP ngày 15/10/2020 của Sở Nội vụ về việc báo cáo, đánh giá việc thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Nội vụ giai đoạn 2011-2020, Sở Ngoại vụ báo cáo việc triển khai quy hoạch phát triển nhân lực ngành Nội vụ làm giai đoạn 2011-2020 tại cơ quan, đơn vị như sau:

1. Thực trạng nhân lực ngành Nội vụ

1.1. Cơ cấu nhân lực theo trình độ đào tạo:

STT	Trình độ	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Sơ cấp	-	-	-	-	-	-
2	Trung cấp	1		1	-	1	-
3	Cao đẳng			-	-	-	-
4	Đại học	2		2		2	
5	Sau đại học						
Cộng		3		3		3	

1.2. Cơ cấu nhân lực theo ngạch công chức, viên chức

STT	Trình độ	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Công chức	3	100%	3	100%	3	100%
	Chuyên viên cao cấp						
	Chuyên viên chính	1	33.3%	2	66,6%	1	33.3%
	Chuyên viên	1	33.3%			1	33.3%
	Cán sự	1	33.3%	1	33.3%	1	33.3%
	Nhân viên						
2	Viên chức						
	Quản lý						
	Thừa hành						
Tổng số							

1.3. Cơ cấu nhân lực theo độ tuổi, giới tính, dân tộc, thời gian công tác trong ngành Nội vụ

STT	Trình độ	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Độ tuổi	3	100%	3	100%	3	100%
	Dưới 30	1	33,3%				
	Từ 30 – 40	2	66,6%	2	66,6%	2	66,6%
	Từ 41 – 50			1	33,3%	1	33,3%
	Từ 51 - 60						
	Tổng số						
2	Giới tính						
	Nam	1	33,3%	1	33,3%		
	Nữ	2	66,6%	2	66,6%	3	100%
	Tổng số	3	100%	3	100%	3	100%
3	Dân tộc						
	Dân tộc Kinh					1	33,3%
	Dân tộc khác	3		3		2	66,6%
	Tổng số	3	100%	3	100%	3	100%
4	Thời gian công tác						
	Dưới 5 năm	2	66,6%	1	33,3%	2	66,6%
	Từ 5 - 10 năm			1	33,3%		
	Từ 11 - 20 năm	1	33,3%	1	33,3%	1	33,3%
	Từ 21 - 30						
	Trên 30 năm						
	Tổng số	3	100%	3		3	100%

1.4. Cơ cấu nhân lực theo lĩnh vực công tác

STT	Lĩnh vực công tác	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1.	Tổ chức nhà nước	2	66,6%	2	66,6%	2	66,6%
2.	Tôn giáo						
3.	Thi đua - Khen thưởng						
4.	Văn thư - Lưu trữ	1	33,3%	1	33,3%	1	33,3%
	Tổng số	3	100%	3	100%	3	100%

1.5. Cơ cấu nhân lực theo vị trí việc làm

STT	Lĩnh vực công tác	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Tổ chức hành chính						

1.1	- Giám đốc	1	33,3%	1	33,3%	1	33,3%
1.2	Văn phòng:						
	- Chánh Văn phòng	1	33,3%	1	33,3%		
	- Phó Chánh VP	-	-			1	33,3%
	Thừa hành, phục vụ	1	33,3%	1	33,3%	1	33,3%
Tổng số		3	100%	3	100%	3	100%
2	Đ/v sự nghiệp công lập						
	Lãnh đạo, quản lý:						
	- Giám đốc			1	100%	1	100%
	- Chức danh nghề nghiệp						
Tổng số				1	100%	1	100%

1.6. Cơ cấu nhân lực ngành Nội vụ theo trình độ lý luận chính trị/quản lý nhà nước

STT	Trình độ	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Lý luận chính trị	2		2		2	
	Sơ cấp						
	Trung cấp	1	50%			1	50%
	Cao cấp	1	50%	2	100%	1	50%
Tổng số		2	100%	2	100%	2	100%
2	Quản lý nhà nước						
	Cán sự						
	Chuyên viên	1	50%				
	Chuyên viên chính			1	50%	2	100%
	Chuyên viên cao cấp	1	50%	1	50%		
Tổng số		2	100%		100%	2	100%

1.7. Cơ cấu nhân lực ngành Nội vụ theo trình độ tin học/ngoại ngữ

STT	Trình độ	Năm 2011		Năm 2016		Năm 2020	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Tin học	3	100%	3	100%	3	100%
	Trình A, B, C	3	100%	3	100%	1	50%
	Chuẩn kỹ năng cơ bản						
	Chuẩn kỹ năng nâng cao						
	Đại học					1	50%
	Sau đại học						
Tổng số			100%		100%		100%

2	Ngoại ngữ (Anh, Pháp, Nga, Đức, Trung Quốc, khác...)						
	Trình A, B, C, D	3		3		3	
	Đại học						
	Sau đại học						
	Các văn bằng, chứng chỉ khác (nếu có)						
	Tổng số	3	100%	3	100%	3	100%

2. Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được phê duyệt

- **Những ưu điểm:** Thường xuyên được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, sự phối hợp, hướng dẫn tạo điều kiện của các cơ quan, đơn vị có liên quan nên những năm qua công tác nội vụ của Sở Ngoại vụ đã có nhiều bước tiến, cải cách về chất lượng, đạt nhiều kết quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đề ra.

Cấp uỷ, lãnh đạo ban thường xuyên quan tâm quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo của cấp trên chủ động rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế; công tác tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng, văn thư lưu trữ. Cử các cán bộ, công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Đồng thời tạo các điều kiện thuận lợi để công chức, viên chức đẩy mạnh việc tự học tập, nghiên cứu nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Thực hiện đúng các chính sách hỗ trợ, khuyến khích công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng và tăng cường ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong thực thi nhiệm vụ.

- **Một số tồn tại, hạn chế:** Biên chế thực hiện nhiệm vụ trong công tác nội vụ ít và có thường xuyên thay đổi nên thời gian tiếp cận chưa lâu, chưa tích lũy nhiều kinh nghiệm, quá trình triển khai nhiệm vụ trong ngành còn gặp khó khăn.

Bên cạnh đó, cán bộ thực hiện nhiệm vụ công tác tổ chức bộ máy, biên chế kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác do vậy chưa đầu tư nhiều thời gian nghiên cứu chuyên sâu về nghiệp vụ của ngành nội vụ.

- **Giải pháp khắc phục trong thời gian tới:** Thường xuyên chủ động rà soát, kịp thời kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy, biên chế của cơ quan và đơn vị trực thuộc.

Tiếp tục đổi mới phương pháp quản lý, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và chất lượng phối hợp công tác của các bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng; cử công chức, viên chức tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao./.

Trên đây là báo cáo của Sở Ngoại vụ trong báo cáo, đánh giá việc thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực ngành Nội vụ giai đoạn 2011-2020 chuyển Sở Nội vụ tổng hợp, xây dựng báo cáo theo giai đoạn./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tuyết Mai